

Bản án số: 209/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2024

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Bằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phan Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1983; địa chỉ đăng ký thường trú: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Người được nguyên đơn uỷ quyền giao nhận văn bản: Anh Nguyễn Sỹ A; địa chỉ: Số E N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Cao Quang T**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương; hiện đang ở Đài Loan.

Các đương sự đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy uỷ quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là thị trấn C), huyện C ngày 14/01/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân liên quan đến kinh tế, nợ nần, lối sống, tính cách, quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 do không còn tình cảm. Năm 2014 chị H bị bệnh nặng nhưng

anh T không quan tâm, chăm sóc. Năm 2016 anh T đi Đài Loan lao động, vợ chồng cũng không liên lạc. Đến nay chị H xác định hôn nhân không thể cứu vãn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Cao Quang T1 sinh ngày 26/6/2003, Cao Quang T2 sinh ngày 07/01/2005, Cao Thùy L sinh ngày 28/4/2010. Cháu T1 và cháu T2 đã thành niên nên chị H không yêu cầu giải quyết. Cháu L hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cao Thùy L đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, uỷ quyền cho anh Nguyễn Sỹ A giao, nộp các văn bản với Tòa án.

**Tại bản tự khai, anh Nguyễn Sỹ A trình bày:** Anh đồng ý nhận uỷ quyền của chị H để giao nhận văn bản với Tòa án. Anh cam kết thực hiện đúng nội dung của giấy uỷ quyền, nhận các văn bản của Tòa án và thông báo, gửi ngay cho chị H.

**Tại các biên bản lấy lời khai, ông Cao Văn H1 và bà Vũ Thị C trình bày:** Ông bà là bố mẹ của anh Cao Quang T. Chị Lê Thị H là vợ anh T và là con dâu ông bà. Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống cùng ông bà, được vài năm thì anh T đi Đài Loan lao động. Ông bà không rõ địa chỉ cụ thể của anh T nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng ông bà vẫn liên lạc với anh T nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án để thông báo cho anh T. Quan điểm của anh T là vợ chồng không thể chung sống được với nhau từ lâu nên anh T đồng ý ly hôn. Về con chung thì anh T và chị H có 03 con chung, 02 cháu đã lớn, còn cháu nhỏ là Cao Thùy L hiện đang ở chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con thì anh T đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung chị H không yêu cầu giải quyết thì anh T cũng không có ý kiến gì.

Tại Công văn số 3825/QLXNC-P3 ngày 26/02/2024, Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ C1 cung cấp anh Cao Quang T xuất cảnh lần gần nhất ngày 19/3/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

**Tại phiên tòa:**

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Cao Quang T; giao con chung Cao Thùy L sinh ngày 28/4/2010 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng

thành, ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh T. Chị H, anh T đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng anh T hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị H và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân liên quan đến kinh tế, nợ nần, lối sống, tính cách. Do mâu thuẫn nên từ năm 2013 vợ chồng ly thân, sau đó anh T đi Đài Loan lao động, vợ chồng cũng không liên lạc. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn thì anh T đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị H ly hôn anh T.

**[3] Về quan hệ con chung:** Chị H và anh T có 03 con chung là Cao Quang T1 sinh ngày 26/6/2003, Cao Quang T2 sinh ngày 07/01/2005, Cao Thùy L sinh ngày 28/4/2010. Cháu T1 và cháu T2 đã thành niên, chị H không yêu cầu giải quyết. Cháu L hiện đang ở với chị H. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cao Thùy L đến khi trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thì anh T đồng ý. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, căn cứ quan điểm của các bên và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Anh T không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh T yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

**[5] Về án phí:** Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Cao Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung Cao Thùy L sinh ngày 28/4/2010 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị H về việc không yêu cầu anh Cao Quang T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cao Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 03/01/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000390; chị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Cao Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND TT.C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Hải Bằng**